

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /CPNT2-TCKT

Nhơn Trạch, ngày tháng 7 năm 2025

“V/v: Gửi Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025
kèm giải trình chênh lệch KQKD”.

CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐIỆN
LỰC DẦU KHÍ
NHƠN TRẠCH 2

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
DN: CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
3600897316
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025-07-18 11:54:27
Foxit Reader Version: 9.7.0

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
 - Mã chứng khoán: NT2
 - Địa chỉ trụ sở chính: Trung tâm Điện lực Dầu khí, Xã Đại Phước, Tỉnh Đồng Nai
 - Điện thoại : 0251. 2225.893 Fax: 0251. 2225.897
- Loại thông tin công bố: Định kỳ
- Nội dung của thông tin công bố: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) công bố thông tin Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025 và giải trình chênh lệch một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm 2024 như sau:

Đvt: Tỷ đồng

Các chỉ tiêu	Quý 2 năm 2025	Quý 2 năm 2024	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỷ lệ %
Doanh thu, thu nhập khác	2.119,6	2.206,0	(86,4)	(3,9)%
Tổng chi phí	1.754,8	2.083,8	(329,0)	(15,8)%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	364,7	122,2	242,5	198,5%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	326,2	122,2	204,0	167,0%

Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 2 năm 2025 lần lượt tăng 242,5 tỷ đồng và tăng 204 tỷ đồng, tương ứng tăng 198,5% và tăng 167% so với Quý 2 năm 2024 chủ yếu do sự biến động của một số chỉ tiêu sau:

- Lợi nhuận gộp về sản xuất điện Quý 2 năm 2025 tăng 237 tỷ đồng (tương ứng tăng 183%) so với Quý 2 năm 2024. Doanh thu sản xuất điện giảm 104,8 tỷ đồng (tương ứng giảm 4,8%), giá vốn hàng bán giảm 341,8 tỷ đồng (tương ứng giảm 16,6%) so với Quý 2 năm 2024, doanh thu và giá vốn cùng giảm nhưng doanh thu sản xuất điện giảm ít hơn giá vốn hàng bán dẫn đến lợi nhuận gộp về sản xuất điện Quý 2 năm 2025 tăng so với cùng kỳ năm 2024.

- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính Quý 2 năm 2025 tăng 9,1 tỷ đồng so với Quý 2 năm 2024.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp Quý 2 năm 2025 tăng 3 tỷ đồng (tương ứng tăng 16,4%) so với Quý 2 năm 2024.
- Lợi nhuận từ hoạt động khác Quý 2 năm 2025 giảm 0,6 tỷ đồng so với Quý 2 năm 2024.

NT2 xin giải trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM về biến động kết quả kinh doanh Quý 2 năm 2025 với nội dung như trên và đảm bảo những thông tin trên hoàn toàn trung thực.

4. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 vào ngày 18/7/2025 tại địa chỉ: <http://www.pvpnt2.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

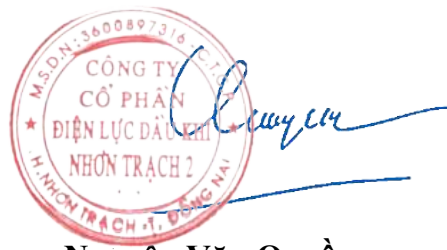
- Như trên;
- HĐQT;
- BGĐ;
- BKS;
- Lưu VT; P.KHTH.

Đính kèm

- Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025.



**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN THỰC
HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Văn Quyền

Số văn bản: 834/CPNT2-TCKT

Ngày ban hành: 18/07/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 2 NĂM 2025

(Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2025)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu B 01a-DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.218.734.377.944	5.773.811.804.064
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	20.754.271.604	56.958.238.240
1. Tiền	111		20.754.271.604	6.958.238.240
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	50.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	3.433.490.790.416	2.273.490.790.416
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.433.490.790.416	2.273.490.790.416
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.393.914.309.986	2.988.656.591.746
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.305.239.301.163	2.933.275.806.587
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		236.250.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	112.754.585.076	79.696.611.412
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(24.315.826.253)	(24.315.826.253)
IV. Hàng tồn kho	140	9	345.314.071.396	332.599.835.856
1. Hàng tồn kho	141		345.314.071.396	332.599.835.856
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.260.934.542	122.106.347.806
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	11.070.028.985	4.749.424.813
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.190.905.557	117.356.922.993
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.495.875.032.993	2.924.035.246.214
I. Tài sản cố định	220		1.102.695.027.249	1.441.668.582.940
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.080.744.787.667	1.419.617.676.690
- Nguyên giá	222		11.337.107.038.573	11.332.539.745.648
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.256.362.250.906)	(9.912.922.068.958)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	21.950.239.582	22.050.906.250
- Nguyên giá	228		31.602.900.921	31.602.900.921
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.652.661.339)	(9.551.994.671)
II. Tài sản dài hạn khác	260		393.180.005.744	1.482.366.663.274
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	393.180.005.744	1.482.366.663.274
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		8.714.609.410.937	8.697.847.050.278

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu B 01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.420.768.373.144	4.508.766.939.857
I. Nợ ngắn hạn	310		4.420.768.373.144	4.508.766.939.857
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	1.256.765.856.028	2.252.855.930.357
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	53.604.798.206	23.443.418.143
3. Phải trả người lao động	314		6.812.439.282	20.967.804.184
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.039.754.221.938	1.153.671.392.026
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	49.375.572.284	49.029.932.349
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	1.987.840.266.564	996.392.854.961
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		26.615.218.842	12.405.607.837
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.293.841.037.793	4.189.080.110.421
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	4.293.841.037.793	4.189.080.110.421
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.878.760.290.000	2.878.760.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.878.760.290.000	2.878.760.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(457.500.000)	(457.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		226.065.784.162	226.065.784.162
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.189.472.463.631	1.084.711.536.259
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		826.260.713.059	1.001.817.575.869
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		363.211.750.572	82.893.960.390
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8.714.609.410.937	8.697.847.050.278
(440 = 300 + 400)				

Lê Văn Tú
Người lập biểu

Lê Việt An
Kế toán trưởngNgô Đức Nhân
Giám đốc
Ngày 15 tháng 07 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 2 năm 2025

MẪU SỐ B 02a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 2	
			Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng	01		2.081.257.647.143	2.186.073.466.321	3.507.963.285.976	2.447.980.400.926
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10	20	2.081.257.647.143	2.186.073.466.321	3.507.963.285.976	2.447.980.400.926
3. Giá vốn hàng bán	11		1.714.711.187.300	2.056.559.188.727	3.096.780.725.036	2.543.856.464.540
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		366.546.459.843	129.514.277.594	411.182.560.940	(95.876.063.614)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	37.995.995.807	19.201.800.447	69.337.885.422	38.570.025.125
6. Chi phí tài chính	22	23	18.381.311.911	8.691.510.915	32.049.760.023	16.581.543.114
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.153.618.313	8.655.508.250	30.537.517.819	13.783.192.874
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	21.437.005.957	18.408.965.938	40.123.686.972	33.139.792.719
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-26)	30		364.724.137.782	121.615.601.188	408.346.999.367	(107.027.374.322)
9. Thu nhập khác	31	25	316.786.630	729.158.457	683.908.824	71.348.527.572
10. Chi phí khác	32		304.302.455	159.559.689	720.326.853	294.835.982
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		12.484.175	569.598.768	(36.418.029)	71.053.691.590
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		364.736.621.957	122.185.199.956	408.310.581.338	(35.973.682.732)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	38.489.014.564	-	45.098.830.766	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		326.247.607.393	122.185.199.956	363.211.750.572	(35.973.682.732)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.109	424	1.213	(125)

Lê Văn Tú
Người lập biểu

Lê Việt An
Kế toán trưởng



Ngô Đức Nhân
Giám đốc
Ngày 15 tháng 07 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

MẪU SỐ B 03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
4			
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	408.310.581.338	(35.973.682.732)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	343.536.248.614	343.482.999.172
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	-	(81.965.737)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(68.906.034.303)	(36.786.335.204)
Chi phí lãi vay	06	30.537.517.819	13.783.192.874
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	713.478.313.468	284.424.208.373
Thay đổi các khoản phải thu	09	(268.374.635.083)	(825.328.795.220)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(12.714.235.540)	(72.076.879.152)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(1.127.830.800.242)	1.570.327.740.794
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.082.866.053.358	(937.347.652.117)
Tiền lãi vay đã trả	14	(26.984.507.220)	(11.804.148.042)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.862.579.743)	(13.894.749.731)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.935.788.993)	(17.215.470.572)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	331.641.820.005	(22.915.745.667)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(4.415.590.258)	(1.171.041.000)
2. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(2.433.000.000.000)	(2.016.950.000.000)
3. Tiền thu hồi khoản đầu tư ngắn hạn	24	1.273.000.000.000	2.099.900.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	35.188.968.582	69.127.591.201
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.129.226.621.676)	150.906.550.201
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.987.840.266.564	1.383.608.071.821
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(996.392.854.961)	(1.275.665.117.046)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(230.066.576.568)	(201.375.518.565)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	761.380.835.035	(93.432.563.790)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(36.203.966.636)	34.558.240.744
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	56.958.238.240	1.152.868.962
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	20.754.271.604	35.711.109.706

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Thu lãi tiền gửi trong kỳ không bao gồm số tiền 69.480.827.105 đồng (6 tháng đầu năm 2024: 18.509.347.970 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong kỳ mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm số tiền 6.381.395.750 đồng (6 tháng đầu năm 2024: 2.768.085.928 đồng) là số tiền lãi phải trả mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi của các khoản phải trả.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong kỳ không bao gồm số tiền 9.249.070.716 đồng (6 tháng đầu năm 2024: 9.088.013.749 đồng) là số cổ tức, lợi nhuận chưa thanh toán hết cho cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Lê Văn Tú
Người lập biên

Lê Việt An
Kế toán trưởng



Ngô Đức Nhân
Giám đốc
Ngày 15 tháng 07 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp gần nhất ngày 20 tháng 06 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo thông báo số 614/TB-SGDHCM vào ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là NT2.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 168 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 168 người).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; cho thuê, điều hành quản lý nhà và đất ở; cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty trong năm là quản lý, vận hành Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 2 tọa lạc tại Ấp 3, Xã Đại Phước, Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay các khoản phải trả người bán, phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị tại thời điểm báo cáo.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập từ lãi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc, thiết bị	05 – 14
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm. Quyền sử dụng đất không có thời hạn được trình bày theo nguyên giá và không tính khấu hao. Các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh toàn bộ trị giá tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện các khoản phí bảo hiểm nhà máy, bảo hiểm con người và chi phí trả trước khác có thời hạn phân bổ trong vòng một năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí nhiên liệu khí vận hành nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trả trước; phí thanh toán lần đầu Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 giai đoạn 100.000 EOH tiếp theo; chi phí đại tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 chờ phân bổ; chi phí thuê đất dự án Nhà máy điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 12. Các khoản trả trước dài hạn này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm theo các quy định hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ và chứng từ kế toán nhưng đã được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng theo sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có sự xác nhận hàng tháng của Công ty Mua Bán Điện (EPTC) theo giá bán điện được quy định tại Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMD-NT2 được ký vào ngày 06 tháng 7 năm 2012; Hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 số 01/2023/DVPT/NT2-EVN ký ngày 10 tháng 9 năm 2023 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung. Số liệu doanh thu bán điện này được thông báo trước cho Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và các khoản chênh lệch phát sinh sẽ được ghi nhận vào kỳ kế toán hiện hành khi Công ty xác định doanh thu chính xác dựa trên chi phí biến đổi tại ngày phát hành hóa đơn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Phân phối quỹ và phân chia cổ tức**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành; Quỹ đầu tư và phát triển và khoản chia cổ tức cho các Cổ đông được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty theo Điều lệ và đề xuất của Hội đồng Quản trị của Công ty và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

Tạm ứng cổ tức trong năm được Hội đồng quản trị quyết định chi trả cho cổ đông dựa trên (i) tình hình sản xuất - kinh doanh hiện tại và kết quả kinh doanh dự kiến trong năm tới, (ii) mức cổ tức dự kiến của từng năm đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua và (iii) đảm bảo tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam cũng như cân đối được nguồn tiền chi trả và các nghĩa vụ tài chính khác sau khi tạm ứng cổ tức.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ và chia cổ tức nêu trên từ lợi nhuận sau thuế hàng năm sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “chi phí đi vay”.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	255.609.398	125.289.733
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.498.662.206	6.832.948.507
Các khoản tương đương tiền	-	50.000.000.000
Tổng cộng	20.754.271.604	56.958.238.240

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	3.433.490.790.416	2.273.490.790.416
Tổng cộng	3.433.490.790.416	2.273.490.790.416

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn có số dư tại ngày 30/06/2025 thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có thời hạn trên 03 tháng và dưới 01 năm tại các ngân hàng thương mại và hường mức lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,6%/năm.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 30/06/2025 bao gồm số dư khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với mức lãi suất 4,2%/năm tại Ngân hàng TNHH Một thành viên Việt Nam Hiện Đại với giá trị là 490.790.416 đồng đang tạm dừng giao dịch. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Mua bán Điện (EPTC)	3.305.221.255.834	2.933.258.613.166
Các khoản phải thu khách hàng khác	18.045.329	17.193.421
Tổng cộng	3.305.239.301.163	2.933.275.806.587

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu là khoản tiền điện phải thu Công ty Mua Bán Điện ("EPTC") tính đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2025 được xác định theo giá bán điện chính thức được quy định tại Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ("Hợp đồng mua bán điện 07") được ký vào ngày 06 tháng 7 năm 2012; Hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ số 01/2023/DVPT/NT2-EVN ký ngày 10 tháng 9 năm 2023 và các Phụ lục/Hợp đồng sửa đổi bổ sung khác của Hợp đồng mua bán điện 07 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")/Công ty Mua Bán Điện ("EPTC").

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Lãi trả chậm dự thu Công ty Mua bán điện (EPTC) (*)	42.153.554.457	42.153.554.457
Siemens Energy Global	-	1.526.376.282
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	69.480.827.105	35.763.761.384
Tạm ứng cho nhân viên	151.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	25.250.000	15.000.000
Phải thu khác	943.953.514	237.919.289
Tổng cộng	112.754.585.076	79.696.611.412

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

(*) Khoản lãi trả chậm dự thu của Công ty Mua bán Điện ("EPTC") theo điều khoản của Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và EVN/EPTC phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được Công ty trích lập trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng thu hồi, chi tiết như sau:

	<u>30/06/2025</u>		<u>01/01/2025</u>	
		VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Giá trị khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi				
Công ty Mua bán điện (EPTC)	80.494.444.352	56.178.618.099	80.494.444.352	56.178.618.099
Dự phòng		<u>24.315.826.253</u>		<u>24.315.826.253</u>

9. HÀNG TỒN KHO

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm giá trị nhiên liệu dầu DO (được nhập kho phục vụ cho hoạt động sản xuất điện) và các vật tư tiêu hao, vật tư dự phòng, ... phục vụ quá trình vận hành thương mại, bảo dưỡng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Vật tư phục vụ sản xuất điện	280.357.672.909	267.604.801.750
Dầu DO 0,05% S	64.956.398.487	64.995.034.106
Tổng cộng	<u>345.314.071.396</u>	<u>332.599.835.856</u>

MÃU B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	2.972.510.902.136	8.312.185.485.163	35.945.649.692	11.897.708.657	11.332.539.745.648
Tăng trong kỳ	-	-	3.021.530.485	1.545.762.440	4.567.292.925
Số dư tại ngày 30/06/2025	2.972.510.902.136	8.312.185.485.163	38.967.180.177	13.443.471.097	11.337.107.038.573
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	1.965.142.359.863	7.903.223.828.856	33.535.579.639	11.022.300.600	9.912.922.068.958
Khấu hao trong kỳ	74.181.151.042	268.603.316.319	358.275.140	297.439.447	343.440.181.948
Số dư tại ngày 30/06/2025	2.039.323.510.905	8.171.827.145.175	33.891.854.779	11.319.740.047	10.256.362.250.906
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/06/2025	933.187.391.231	140.358.339.988	5.075.325.398	2.123.731.050	1.080.744.787.667
Tại ngày 01/01/2025	1.007.368.542.273	408.961.656.307	2.412.070.053	875.408.057	1.419.617.676.690

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 76.607.742.466 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 73.774.469.739 đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2025	21.602.554.546	10.000.346.375	31.602.900.921
Tăng trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2025	21.602.554.546	10.000.346.375	31.602.900.921
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2025	-	9.551.994.671	9.551.994.671
Khấu hao trong kỳ	-	100.666.668	100.666.668
Số dư tại ngày 30/06/2025	-	9.652.661.339	9.652.661.339
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/06/2025	21.602.554.546	347.685.036	21.950.239.582
Tại ngày 01/01/2025	21.602.554.546	448.351.704	22.050.906.250

Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài là quyền sử dụng đất tại khu đất thuộc chung cư CC1.2 – Đơn vị ở số 1 – Khu dân cư Phước An – Long thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 9.396.346.375 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 9.396.346.375 đồng).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản phí bảo hiểm nhà máy, bảo hiểm con người và các chi phí khác có thời hạn phân bổ trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm các chi phí:

- Khoản chi phí nhiên liệu khí vận hành nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trả trước theo nghĩa vụ bảo tiêu nhiên liệu khí được quy định tại Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PVGas/KHTH-PVPOWER NT2/B4 ngày 06 tháng 4 năm 2010 giữa Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP ("PVGas"). Trong một số tháng, sản lượng điện phát của Công ty không đủ để đảm bảo nghĩa vụ bảo tiêu nhiên liệu khí theo quy định tại Hợp đồng mua bán khí, tuy nhiên Công ty vẫn có nghĩa vụ phải trả cho PVGas số tiền tương ứng với lượng khí bằng lượng khí bảo tiêu trừ đi lượng khí thực tế tiêu thụ trong năm ("lượng khí trả trước"). Công ty sẽ có quyền nhận từ PVGas một lượng khí tương đương lượng khí trả trước trong vòng bốn (04) năm kể từ năm phát sinh và có thể khấu trừ vào nghĩa vụ bảo tiêu mà không phải chịu bất kỳ một chi phí nào khác, việc áp dụng khấu trừ bằng khí nhận trước trong bất kỳ một năm hợp đồng nào sẽ không vượt quá 15% lượng khí tối thiểu năm của năm hợp đồng đó. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, tiền khí trả trước đã được PVGas khấu trừ hết vào nghĩa vụ bảo tiêu trong năm 2025.
- Chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 tại 100.000 giờ vận hành EOH phát sinh khi nhà máy đạt đến 100.000 giờ vận hành EOH và Công ty phải thực hiện việc đại tu định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật. Theo đó, chi phí đại tu này được ghi nhận và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng cho kỳ phát sinh 33.333 giờ vận hành EOH cho mỗi tổ máy tiếp theo.
- Phí thanh toán lần đầu theo Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 giai đoạn 100.000 giờ vận hành EOH tiếp theo cho mỗi tổ máy giữa Công ty và liên danh Siemens Energy Global GmbH & Co. KG/ Siemens Energy Limited Company ký ngày 28 tháng 7 năm 2023. Theo đó, phí thanh toán lần đầu này

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

được ghi nhận và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong vòng 100.000 giờ vận hành EOH cho mỗi tổ máy tiếp theo.

- (iv) Chi phí thuê đất đã được Công ty trả trước thông qua việc đền bù giải phóng mặt bằng tương ứng với phần diện tích đất thuê tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với diện tích 129.188 m² cho giai đoạn từ ngày 27 tháng 6 năm 2009 đến ngày 9 tháng 10 năm 2014 và với diện tích 294.724,8 m² cho giai đoạn từ ngày 27 tháng 6 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2034. Chi phí này được Công ty phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng và bù trừ tương ứng với số tiền thuê phải trả theo hợp đồng thuê đất trong suốt thời gian thuê.

Chi tiết số dư của khoản chi phí trả trước tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm nhà máy và các khoản trả trước khác	11.070.028.985	4.749.424.813
Tổng cộng	11.070.028.985	4.749.424.813
b. Dài hạn		
Khí trả trước theo Hợp đồng mua bán khí (i)	-	1.039.511.914.882
Phí thanh toán lần đầu Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính giai đoạn 100.000 EOH tiếp theo (ii)	131.467.226.071	137.131.381.946
Chi phí sửa chữa lớn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (iii)	257.572.817.644	301.702.397.469
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng (iv)	3.176.286.696	3.352.747.068
Chi phí khác	963.675.333	668.221.909
Tổng cộng	393.180.005.744	1.482.366.663.274

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	1.243.164.847.950	1.243.164.847.950	2.153.018.063.190	2.153.018.063.190
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật điện lực Dầu khí Việt Nam	5.059.802.536	5.059.802.536	6.606.186.471	6.606.186.471
	1.248.224.650.486	1.248.224.650.486	2.159.624.249.661	2.159.624.249.661
b. Phải trả người bán là bên thứ ba				
- Siemens Energy Global GmbH & Co.KG	-	-	90.148.277.384	90.148.277.384
- Các đối tượng khác	8.541.205.542	8.541.205.542	3.083.403.312	3.083.403.312
	8.541.205.542	8.541.205.542	93.231.680.696	93.231.680.696
Tổng cộng	1.256.765.856.028	1.256.765.856.028	2.252.855.930.357	2.252.855.930.357

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải nộp tại ngày 01/01/2025	Phát sinh trong kỳ		Số phải nộp tại ngày 30/06/2025
	VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	5.415.095.741	5.415.095.741	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.024.200.379	1.024.200.379	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.862.579.743	45.098.830.766	14.862.579.743	45.098.830.766
Thuế thu nhập cá nhân	537.170.938	8.571.351.994	8.590.628.108	517.894.824
Thuế tài nguyên	3.678.461.520	19.752.514.680	19.878.068.760	3.552.907.440
Các loại thuế, phí khác	4.365.205.942	16.853.621.401	16.783.662.167	4.435.165.176
Tổng cộng	23.443.418.143	96.715.614.961	66.554.234.898	53.604.798.206

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu khí (i)	978.304.839.954	1.116.609.913.314
Chi phí bảo trì, bảo dưỡng nhà máy (ii)	52.972.565.838	32.939.774.371
Chi phí lãi vay	6.381.395.750	2.828.385.151
Các khoản trích trước khác	2.095.420.396	1.293.319.190
Tổng cộng	1.039.754.221.938	1.153.671.392.026

Chi phí phải trả ngắn hạn tại ngày kết thúc kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các chi phí:

- (i) Chi phí nhiên liệu khí vận hành Nhà máy điện CTHH Nhơn Trạch 2 chưa xuất hóa đơn tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo Thông báo trước tiên khí từ Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP - Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ.
- (ii) Chi phí bảo trì, sửa chữa nhà máy được trích theo Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 giai đoạn 100.000 giờ vận hành EOH tiếp theo cho mỗi tổ máy giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và liên danh Siemens Energy Global GmbH & Co.KG/ Siemens Energy Limited Company ký ngày 28 tháng 7 năm 2023.

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Lãi chậm thanh toán phải trả	39.278.284.374	39.278.284.374
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (*)	9.249.070.716	9.014.824.084
Cổ tức phải trả	848.217.194	736.823.891
Các khoản phải trả khác	49.375.572.284	49.029.932.349
Tổng cộng	49.375.572.284	49.029.932.349

(*) Khoản lãi trả chậm dự trả tiền khí cho Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (PVGAS) theo điều khoản của Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PVGAS/KTTT-PVPower NT2/B4 ngày 06 tháng 4 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và PVGAS phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY NGÂN HÀNG

MÁU B 09a-DN

	Số dư tại ngày 01/01/2025		Phát sinh trong kỳ		Số dư tại ngày 30/06/2025	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	996.392.854.961	996.392.854.961	1.987.840.266.564	996.392.854.961	1.987.840.266.564	1.987.840.266.564
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	996.392.854.961	996.392.854.961	1.987.840.266.564	996.392.854.961	1.987.840.266.564	1.987.840.266.564
	996.392.854.961	996.392.854.961	1.987.840.266.564	996.392.854.961	1.987.840.266.564	1.987.840.266.564

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, Công ty đã ký hợp đồng vay tín chấp ngắn hạn số 006/VCB.TT.KHDN/24NH với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng hạn mức vay là 2.000.000.000 đồng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh điện. Thời hạn được cấp hạn mức tín dụng tính từ ngày ký hợp đồng vay đến hết ngày 15 tháng 3 năm 2025. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi được trả định kỳ hàng tháng và ngày hoàn trả toàn bộ nợ cuối cùng không muộn hơn ngày kết thúc khoản vay.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, Công ty đã ký hợp đồng vay tín chấp ngắn hạn số 010/TTH.KHDN/25NH với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng hạn mức vay là 2.000.000.000 đồng (bao gồm cả các khoản nợ của Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín chấp ngắn hạn số 006/VCB.TT.KHDN/24NH ký ngày 15 tháng 3 năm 2024 tính đến ngày ký hợp đồng này) phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh điện. Thời hạn được cấp hạn mức tín dụng tính từ ngày ký hợp đồng vay đến hết ngày 25 tháng 3 năm 2026. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi được trả định kỳ hàng tháng và ngày hoàn trả toàn bộ nợ cuối cùng không muộn hơn ngày kết thúc khoản vay.

12
10/07/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	287.876.029	287.876.029
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	<u>287.876.029</u>	<u>287.876.029</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/06/2025</u>		<u>01/01/2025</u>	
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam-CTCP	1.709.260.800.000	59,37%	1.709.260.800.000	59,37%
Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ	237.961.150.000	8,27%	237.961.150.000	8,27%
Các cổ đông khác	931.538.340.000	32,36%	931.538.340.000	32,36%
	<u>2.878.760.290.000</u>	<u>100%</u>	<u>2.878.760.290.000</u>	<u>100%</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÁU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2024	2.878.760.290.000	(457.500.000)	226.065.784.162	1.231.480.796.169	4.335.849.370.331
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	82.893.960.390	82.893.960.390
Chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(201.513.220.300)	(201.513.220.300)
Phân phối từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(28.150.000.000)	(28.150.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	2.878.760.290.000	(457.500.000)	226.065.784.162	1.084.711.536.259	4.189.080.110.421
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	363.211.750.572	363.211.750.572
Chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(230.300.823.200)	(230.300.823.200)
Phân phối từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	(28.150.000.000)	(28.150.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2025	2.878.760.290.000	(457.500.000)	226.065.784.162	1.189.472.463.631	4.293.841.037.793

Theo Nghị quyết số 07/NQ-CPNT2 ngày 29 tháng 5 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023. Theo đó, cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của năm 2023 với tỷ lệ 15%/mệnh giá một cổ phần và tương ứng số tiền 431.814.043.500 đồng, trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Người quản lý với số tiền là 28.150.000.000 đồng. Theo Nghị quyết số 01/NQ-CPNT2 ngày 8 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị thông qua việc chi trả cổ tức còn lại năm 2023 bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 với tỷ lệ 8%/mệnh giá, tương đương 800 đồng/01 cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty. Tính đến ngày lập báo cáo này, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức theo Nghị quyết trên.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và bán điện trong nội địa. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong kỳ cũng như các niên độ/ kỳ kế toán trước. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và các niên độ/ kỳ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

Doanh thu bán điện trong kỳ được ghi nhận hàng tháng theo sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có sự xác nhận hàng tháng của Công ty Mua Bán Điện ("EPTC") theo giá bán điện được quy định tại Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMD-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012, Hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ số 01/2023/DVPT/NT2-EVN ngày 10 tháng 9 năm 2023 và các phụ lục/Hợp đồng sửa đổi bổ sung khác của Hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")/ Công ty Mua Bán Điện ("EPTC").

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.489.570.487.293	2.026.732.767.660
Chi phí nhân công	46.089.529.093	31.412.157.530
Chi phí khấu hao tài sản cố định	343.536.248.614	343.482.999.172
Chi phí dịch vụ mua ngoài	222.642.138.674	153.088.406.649
Chi phí khác	35.066.008.334	22.279.926.248
Tổng cộng	3.136.904.412.008	2.576.996.257.259

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	68.906.034.303	36.786.335.204
Lãi chênh lệch tỷ giá	431.851.119	1.783.689.921
Tổng cộng	69.337.885.422	38.570.025.125

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	30.537.517.819	13.783.192.874
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.512.242.204	2.798.350.240
Tổng cộng	32.049.760.023	16.581.543.114

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Lương nhân viên quản lý	14.491.931.080	9.717.493.839
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	2.140.262.550	1.970.107.250
Chi phí vật liệu văn phòng	933.549.531	936.549.356
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	597.149.714	172.677.999
Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý	3.272.667.176	3.400.156.051
Thuế và lệ phí	141.760.306	111.885.655
Chi phí sửa chữa thường xuyên quản lý	128.729.140	388.289.881
Dịch vụ mua ngoài	11.559.150.371	12.514.794.044
Chi phí quản lý khác	6.858.487.104	3.927.838.644
Tổng cộng	40.123.686.972	33.139.792.719

25. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Thu nhập từ ghi nhận tăng giá trị vật tư dự phòng ISP	-	70.294.128.000
Thu nhập khác	683.908.824	1.054.399.572
Tổng cộng	683.908.824	71.348.527.572

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng (hoạt động chính) trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 20% cho những năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chi phí thuế thu nhập hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025			Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	Hoạt động chính VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND	Tổng VND
Lợi nhuận trước thuế	370.011.925.440	38.298.655.898	408.310.581.338	(35.973.682.732)
Cộng: Các chi phí không được trừ	3.952.356.169	213.357.128	4.165.713.297	524.500.056
Thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	373.964.281.609	38.512.013.026	412.476.294.635	(35.449.182.676)
Thuế suất	10%	20%		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	37.396.428.161	7.702.402.605	45.098.830.766	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	37.396.428.161	7.702.402.605	45.098.830.766	-

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như bên dưới:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lợi nhuận sau thuế	363.211.750.572	(35.973.682.732)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng BĐH	14.075.000.000	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	349.136.750.572	(35.973.682.732)
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	287.876.029	287.876.029
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.213	(125)

28. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết bán hàng**

Công ty đã ký kết với Công ty Mua Bán Điện (EPTC) bằng Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 và các Hợp đồng, sửa đổi bổ sung có liên quan. Theo đó, toàn bộ sản lượng điện sản xuất theo lệnh điều động của Cục Điều tiết Điện lực sẽ được bao tiêu bởi Công ty Mua Bán Điện (EPTC) trong thời hạn là 25 năm kể từ ngày Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 chính thức vận hành thương mại vào ngày 16 tháng 10 năm 2011. Giá bán điện được thỏa thuận theo các điều khoản trong Hợp đồng mua bán điện và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

Cam kết mua hàng

Công ty đã ký kết với Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên (PVGAS) bằng Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PVGAS/KTTT-PVPower NT2/B4 ngày 06 tháng 04 năm 2010. Theo đó, giá bán khí được thỏa thuận theo các điều khoản trong Hợp đồng mua bán khí và các phụ lục hợp đồng kèm theo và Công ty có trách nhiệm phải mua và thanh toán một lượng khí tối thiểu năm trong suốt thời hạn của hợp đồng cho đến khi kết thúc hợp đồng mua này vào ngày 31 tháng 12 năm 2036.

29. TÀI SẢN, CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Nghị Quyết số 1944/NQ-DKVN ngày 02 tháng 04 năm 2018 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”) về việc ngừng áp dụng Nghị quyết số 1827/NQ-DKVN ngày 19 tháng 03 năm 2013 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận phương án hạch toán kế toán đối với các khoản doanh thu/chi phí liên quan đến việc chậm thanh toán tiền điện/tiền khí. Theo đó, Công ty sẽ phải tiến hành ghi nhận khoản thu tiền lãi trả chậm phát sinh từ Công ty Mua Bán Điện (“EPTC”) và ghi nhận khoản phải trả cho PV GAS dựa theo ngày chậm trễ/quá hạn thanh toán theo đúng quy định của hợp đồng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

nguyên tắc và các phụ lục bổ sung được ký giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và PV GAS (Hợp đồng mua bán khí) và giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Mua Bán Điện (Hợp đồng mua bán điện). Công ty đã làm việc với Công ty Mua Bán Điện ("EPTC"), PV GAS về tình hình thực hiện hợp đồng mua bán điện/khí và đang trao đổi lại với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng như Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP về phương pháp cụ thể, về tính hiệu lực của Nghị Quyết số 1944/NQ-DKVN có được áp dụng cho các khoản lãi chậm nộp có số dư phát sinh từ những năm/kỳ trước hay không để làm cơ sở cho việc hạch toán chính xác và đầy đủ các khoản lãi phạt/chi phí, phải thu/phải trả liên quan đến việc chậm thanh toán tiền điện/tiền khí đã phát sinh trong thời gian tới.

Liên quan đến việc thanh tra chấp hành pháp luật về thuế tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 theo Quyết định số 1632/QĐ-TCT ngày 08/11/2019 của Tổng Cục thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Đối với một số vấn đề vướng mắc do đặc thù ngành nghề liên quan đến thời điểm kê khai thuế giá trị gia tăng của doanh thu từ bán điện và chi phí tương ứng từ việc mua khí để sản xuất điện, Công ty đang tiếp tục giải trình và kiến nghị với Đoàn thanh tra - Tổng Cục thuế và các cơ quan chức năng có liên quan để có kết luận cuối cùng về việc thanh tra chấp hành pháp luật về thuế tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa nhận được kết luận cuối cùng về việc thanh tra chấp hành pháp luật thuế tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 liên quan đến thời điểm kê khai thuế giá trị gia tăng của doanh thu từ bán điện và chi phí tương ứng từ việc mua khí để sản xuất điện của Tổng Cục Thuế và cơ quan hữu quan nên chưa có cơ sở chắc chắn để ghi nhận bất cứ điều chỉnh nào trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc 30 tháng 6 năm 2025.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, Công ty đã ký kết Phụ lục Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 16 ("Phụ lục hợp đồng bổ sung 16") của Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMD-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 về việc điều chỉnh giá bán điện theo vốn đầu tư quyết toán Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với Công ty Mua bán Điện ("EPTC"), bao gồm điều khoản liên quan đến điều chỉnh tỷ giá ngoại tệ (tỷ giá gốc) trong phương án điện tại Hợp đồng mua bán điện 07 ở trên. Theo đó, phần doanh thu bổ sung liên quan đến phần chênh lệch tỷ giá còn lại của năm 2019 và phần chênh lệch tỷ giá cho giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2021 với số tiền khoảng 177 tỷ đồng theo quy định Thông tư 07/2024/TT-BCT ngày 12 tháng 4 năm 2024 (thay thế Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020) của Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện và theo Phụ lục Hợp đồng bổ sung 16 sẽ được ghi nhận vào báo cáo tài chính tương lai khi có sự thống nhất giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam/Công ty Mua Bán Điện trong thực hiện Hợp đồng mua bán điện theo quy định hiện hành.

Ngày 09/11/2021, Ủy ban Nhân dân huyện Nhơn Trạch đã ra Quyết định số 4267/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 116.482 m² của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 để thực hiện dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 tại khu công nghiệp Ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai do Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP làm chủ đầu tư. Theo đó Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 vẫn đang tiếp tục làm việc với các bên liên quan và cơ quan hữu quan để thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan đến diện tích đất thu hồi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án của nhà máy điện. Hiện tại, Công ty chưa ước tính giá trị của nghĩa vụ hoàn nguyên này vì chưa thu thập đủ thông tin đáng tin cậy về chi phí có thể phát sinh cũng như đánh giá các ảnh hưởng có thể có liên quan đến việc tính giá thành điện. Theo đó, Công ty đang làm việc với các cơ quan hữu quan để có thêm hướng dẫn để có đủ thông tin cần thiết cho việc ước tính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, theo Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, Công ty nhận giữ hộ một số vật tư phụ tùng thuộc sở hữu của nhà thầu Siemens Energy Global GmbH nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu bảo trì bảo dưỡng của nhà máy. Các vật tư này sẽ được quyết toán sau thời điểm kết thúc hợp đồng sửa chữa dài hạn đã được ký kết với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Mua hàng dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	1.580.241.293.053	2.904.988.402.112
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.150.838.421	29.997.919.257
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	-	77.838.125
Trường Cao đẳng Dầu khí	120.000.000	-
Công ty TNHH TMDV Kiểm định Dầu khí Việt Nam	750.506.400	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.039.566.521	5.136.016.199
Công ty Cổ phần PVI	22.676.931.907	22.700.298.355
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	1.005	14.519
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	136.740.864.000	119.648.256.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	1.243.164.847.950	2.153.018.063.190
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	5.059.802.536	6.606.186.471
Chi phí phải trả		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	978.304.839.954	1.116.609.913.314
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	780.833.725
Phải trả khác		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	39.278.284.374	39.278.284.374

Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Hội đồng Quản trị:		
Ông Ưông Ngọc Hải	823.532.768	738.632.497
Ông Lương Ngọc Anh	48.000.000	48.000.000
Ông Ngô Đức Nhân	(*)	(*)
Ông Nguyễn Công Dũng	45.348.258	265.842.489
Bà Phan Thị Thúy Lan	48.000.000	48.000.000
	964.881.026	1.100.474.986

(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của Ban Giám đốc như chi tiết bên dưới.

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
<u>Ban Giám đốc/ Kế toán trưởng:</u>		
Ông Ngô Đức Nhân	818.597.040	733.094.002
Bà Nguyễn Thị Hà	729.027.321	673.384.384
Ông Nguyễn Văn Quyền	629.421.811	567.862.114
Ông Nguyễn Trung Thu	668.719.084	632.528.950
Ông Lê Việt An	603.190.874	537.149.066
	3.448.956.130	3.144.018.516
<u>Ban kiểm soát:</u>		
Ông Nguyễn Hữu Minh	619.198.533	576.673.738
Ông Nguyễn Văn Kỳ	30.000.000	30.000.000
Bà Phan Lan Anh	30.000.000	30.000.000
	679.198.533	636.673.738

Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị	81.661.039	59.485.111
Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	33.866.813	26.919.556


Lê Văn Tú
Người lập biểu

Lê Việt An
Kế toán trưởngNgô Đức Nhân
Giám đốc
Ngày 16 tháng 07 năm 2025